

HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ NƯỚC CỘNG HÒA PHÁP

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Pháp (sau đây gọi là “các Bên”),

Mong muốn tăng cường hợp tác trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự nhằm đấu tranh hiệu quả hơn với các loại tội phạm,

Trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quy định của pháp luật,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1. Phạm vi tương trợ

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật hiện hành của mỗi Bên, các Bên dành cho nhau sự tương trợ tư pháp rộng rãi nhất về các vấn đề hình sự.

2. Tương trợ tư pháp có thể bao gồm nhiều hình thức, trong đó chủ yếu là những hình thức sau:

- a) tổng đạt giấy tờ;
- b) triệu tập người làm chứng, người giám định;
- c) thu thập và cung cấp chứng cứ, bao gồm cả việc lấy lời khai qua câu truyền hình;
- d) chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự;
- e) chuyển giao tạm thời người đang bị giam giữ;
- f) áp dụng các biện pháp nhằm truy tìm, kê biên, phong tỏa, thu giữ hay tịch thu tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội;
- g) trao đổi thông tin, bao gồm cả thông tin ngân hàng về tài khoản và chủ tài khoản tại các ngân hàng trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, thông tin về giao dịch ngân hàng bao gồm các thông tin về bất kể tài khoản chuyển tiền và nhận tiền nào có liên quan đến hoạt động điều tra hình sự tại Bên yêu cầu. Trong trường hợp này, Bên được yêu cầu, trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm ngân hàng không tiết lộ cho khách hàng có liên quan hay bên thứ ba về các thông tin được chuyển cho Bên yêu cầu;
- h) nhận dạng và xác định chỗ ở;
- i) thực hiện yêu cầu khám xét;
- j) các hình thức tương trợ khác phù hợp với mục đích của Hiệp định này và không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu.

3. Tương trợ cũng được thực hiện liên quan đến điều tra, truy tố, xét xử hay hoạt động tố tụng khác liên quan đến các tội phạm về thuế, hải quan, kiểm soát trao đổi ngoại tệ và các vấn đề thu nhập khác.

4. Hiệp định này không áp dụng đối với:

- a) việc dẫn độ, bắt hoặc giam giữ người để dẫn độ;
- b) thi hành tại Bên được yêu cầu bản án hình sự được tuyên tại Bên yêu cầu, trừ những trường hợp pháp luật của Bên được yêu cầu và Hiệp định này cho phép, đặc biệt là đối với các biện pháp tịch thu tài sản quy định tại Điều 14;
- c) chuyển giao người bị kết án hình sự để thi hành án;
- d) các thủ tục tố tụng liên quan đến tội phạm quân sự mà không phải là tội phạm hình sự thông thường.

Điều 2. Cơ quan Trung ương

1. Mỗi Bên chỉ định Cơ quan Trung ương vì mục đích thi hành Hiệp định này.
2. Các cơ quan sau đây được chỉ định là Cơ quan Trung ương khi Hiệp định này có hiệu lực:
 - a) đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
 - b) đối với nước Cộng hòa Pháp là Bộ Tư pháp.
3. Các Bên, thông qua kênh ngoại giao, sẽ thông báo cho nhau nếu có sự thay đổi về Cơ quan Trung ương quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Cơ quan Trung ương của các Bên sẽ gửi cho nhau các yêu cầu tương trợ và kết quả thực hiện theo quy định của Hiệp định này. Trong trường hợp cần thiết, các Bên có thể liên hệ với nhau thông qua kênh ngoại giao.

Điều 3. Nội dung và hình thức văn bản yêu cầu tương trợ

1. Văn bản yêu cầu tương trợ bao gồm:
 - a) tên, địa chỉ của cơ quan lập yêu cầu và tên, địa chỉ của cơ quan có trách nhiệm đối với hoạt động tố tụng liên quan đến yêu cầu;
 - b) tên và địa chỉ của cơ quan tiếp nhận yêu cầu;
 - c) mô tả về nội dung tương trợ; mục đích và căn cứ của yêu cầu; nội dung và các tình tiết có liên quan của vụ án; thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội; trích dẫn điều luật quy định tội danh và hình phạt có thể được áp dụng; tiến độ điều tra, truy tố, xét xử vụ án và thời hạn mong muốn thực hiện yêu cầu.
2. Văn bản yêu cầu tương trợ có thể bao gồm:
 - a) đặc điểm nhận dạng, quốc tịch, chỗ ở của người có liên quan trong vụ án hình sự;
 - b) các vấn đề cần thẩm vấn, danh sách câu hỏi và mô tả tài liệu, hồ sơ hoặc vật chứng cần thu thập đối với yêu cầu thu thập chứng cứ; nếu cần thiết thì mô tả người được yêu cầu cung cấp tài liệu, hồ sơ hoặc vật chứng đó;
 - c) đối với yêu cầu khám xét, thu giữ, truy tìm hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội, mô tả về tài sản và địa điểm cần khám xét, căn cứ cho rằng tài sản và công cụ, phương tiện đó đang tồn tại ở Bên được yêu cầu và có thể thuộc quyền tài phán của Bên yêu cầu và việc thi hành bản án, quyết định của tòa án liên quan đến yêu cầu; mô tả biện pháp có thể áp dụng đối với yêu cầu tương trợ có thể dẫn đến việc phát hiện hoặc thu giữ tài sản và công cụ, phương tiện đó;
 - d) chi tiết về các thủ tục cụ thể mà Bên yêu cầu mong muốn được áp dụng;
 - e) mức độ bảo mật và lý do kèm theo;
 - f) mục đích, dự định thời gian và lịch trình chuyến đi trong trường hợp người có thẩm quyền của Bên yêu cầu mong muốn đến lãnh thổ của Bên được yêu cầu vì mục đích thực hiện yêu cầu tương trợ;
 - g) bất kỳ tài liệu khác cần thiết để thực hiện yêu cầu hay thông tin nào khác có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện yêu cầu.
3. Nếu Bên được yêu cầu xét thấy thông tin trong văn bản yêu cầu không đủ để thực hiện yêu cầu tương trợ theo Hiệp định này, thì đề nghị bổ sung thông tin bằng văn bản và ấn định thời hạn cụ thể trả lời kết quả bổ sung.

4. Nếu cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu lập một yêu cầu tương trợ để bổ sung cho một yêu cầu trước đó, thì yêu cầu bổ sung không đòi hỏi cung cấp các thông tin đã có trong yêu cầu trước đó. Yêu cầu bổ sung phải bao gồm các thông tin cần cho việc xác định yêu cầu ban đầu.

5. Yêu cầu tương trợ phải được lập bằng văn bản, trừ trường hợp Bên được yêu cầu chấp nhận trong trường hợp khẩn cấp yêu cầu bằng hình thức khác cho phép Bên được yêu cầu có thể xác định được tính xác thực. Sau đó, Bên yêu cầu phải gửi ngay yêu cầu bằng văn bản cho Bên được yêu cầu.

6. Yêu cầu tương trợ và tài liệu kèm theo được lập bằng ngôn ngữ của Bên yêu cầu và kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ của Bên được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác mà Bên được yêu cầu chấp nhận.

Điều 4. Từ chối hoặc hoãn thực hiện tương trợ

1. Tương trợ sẽ bị từ chối theo quy định của Hiệp định này trong các trường hợp sau đây:

a) nếu Bên được yêu cầu cho rằng việc thực hiện yêu cầu sẽ phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự công cộng và các lợi ích thiết yếu khác của mình, hoặc có thể trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình hay điều ước quốc tế mà nước mình là thành viên;

b) nếu yêu cầu liên quan đến một tội phạm mà Bên được yêu cầu cho là tội phạm có tính chất chính trị;

c) nếu yêu cầu liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về một tội phạm mà người đó đã bị kết án, được tuyên không có tội hoặc được đại xá, đặc xá tại Bên được yêu cầu và Bên được yêu cầu cho rằng các thủ tục tố tụng tại Bên yêu cầu nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự về cùng con người và tội phạm đó.

2. Tương trợ có thể không được thực hiện theo Hiệp định này:

a) nếu yêu cầu liên quan đến hành vi phạm tội đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật Bên được yêu cầu;

b) nếu yêu cầu liên quan đến hành vi không cấu thành tội phạm theo pháp luật Bên được yêu cầu.

3. Bên được yêu cầu không được từ chối hợp tác liên quan đến một yêu cầu tương trợ vì lý do bí mật ngân hàng.

4. Tương trợ có thể bị Bên được yêu cầu hoãn thực hiện nếu việc thực hiện yêu cầu cản trở quá trình điều tra, truy tố và xét xử đang được tiến hành trên lãnh thổ Bên được yêu cầu.

5. Trước khi từ chối hoặc hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ theo quy định tại Điều này, Bên được yêu cầu phải:

a) thông báo ngay cho Bên yêu cầu về lý do từ chối, hoãn; và

b) trao đổi với Bên yêu cầu để xác nhận khả năng thực hiện tương trợ với các điều kiện cụ thể mà Bên được yêu cầu cho là cần thiết. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận thì phải tuân thủ các điều kiện đó.

Điều 5. Thực hiện yêu cầu tương trợ

1. Bên được yêu cầu phải thực hiện nhanh nhất có thể yêu cầu tương trợ theo quy định của pháp luật nước mình.

2. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu phải thực hiện yêu cầu theo cách

thức và thủ tục mà Bên yêu cầu đưa ra trừ khi Hiệp định này có quy định khác và cách thức, thủ tục đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Bên được yêu cầu.

3. Trong trường hợp yêu cầu không thể được thực hiện hay không thể được thực hiện đầy đủ, Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Bên yêu cầu và đề ra các điều kiện để yêu cầu có thể được thực hiện. Bên yêu cầu và Bên được yêu cầu sau đó có thể thống nhất cách thức thực hiện yêu cầu.

4. Nếu có đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu phải thông báo về thời gian và địa điểm thực hiện yêu cầu. Nếu cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu đồng ý, người có thẩm quyền của Bên yêu cầu có thể tham dự vào việc thực hiện yêu cầu này.

5. Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu về kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 6. Tổng đạt giấy tờ

1. Bên được yêu cầu phải tổng đạt bản án, quyết định và các giấy tờ tư pháp khác do Bên yêu cầu chuyển đến với mục đích tổng đạt. Bên được yêu cầu phải thực hiện việc tổng đạt theo một trong các hình thức được quy định bởi pháp luật nước mình hoặc, nếu có đề nghị của Bên yêu cầu, theo hình thức do Bên yêu cầu đề nghị, phù hợp với pháp luật của Bên được yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu phải chuyển cho Bên yêu cầu văn bản xác nhận đã tổng đạt giấy tờ nêu rõ cách thức và thời gian tổng đạt. Nếu việc tổng đạt không thực hiện được, Bên yêu cầu phải được thông báo lý do.

3. Trường hợp yêu cầu tổng đạt giấy triệu tập người làm chứng, người giám định, Bên yêu cầu phải gửi giấy triệu tập cho Bên được yêu cầu trong thời hạn chín mươi (90) ngày trước ngày dự định người đó có mặt tại Bên yêu cầu. Trong trường hợp khẩn cấp, Bên được yêu cầu có thể không áp dụng thời hạn này.

Điều 7. Cung cấp hồ sơ, tài liệu khác

1. Bên được yêu cầu sẽ cung cấp các bản sao tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin liên quan đến việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Trích sao, trích lục hoặc thông tin về tiền án, tiền sự được cung cấp phù hợp với pháp luật của Bên được yêu cầu và ở mức độ tương đương với việc cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền Bên đó trong trường hợp tương tự.

3. Bên được yêu cầu có thể cung cấp bản sao có chứng thực của các tài liệu, hồ sơ gốc, trừ trường hợp Bên yêu cầu đề nghị cung cấp bản gốc.

4. Bên được yêu cầu có thể hoãn việc cung cấp hồ sơ, tài liệu, đồ vật nếu hồ sơ, tài liệu, đồ vật đó đang được sử dụng cho các hoạt động tố tụng hình sự đang được tiến hành.

Điều 8. Trả lại tài liệu

Bên yêu cầu được giữ lại chứng cứ và bản gốc hồ sơ, tài liệu được chuyển giao theo một yêu cầu tương trợ trừ trường hợp Bên được yêu cầu đề nghị trả lại.

Điều 9. Khám xét và thu giữ

1. Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu phải thực hiện yêu cầu về khám xét và thu giữ chứng cứ. Trong trường hợp này, quyền và lợi ích hợp pháp của Bên thứ ba ngay tình được tôn trọng và bảo vệ.

2. Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu về kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ này.

3. Bên yêu cầu phải tuân thủ các điều kiện do Bên được yêu cầu đưa ra liên quan đến việc chuyển giao đồ vật, tài liệu bị thu giữ cung cấp cho Bên yêu cầu.

Điều 10. Thu thập chứng cứ và lấy lời khai

1. Trong phạm vi pháp luật của mình và nếu có yêu cầu, Bên được yêu cầu lấy lời khai hoặc bản tường trình của những người liên quan hoặc yêu cầu họ đưa ra đồ vật là chứng cứ để chuyển cho Bên yêu cầu.

2. Người mà Bên được yêu cầu sẽ thu thập chứng cứ theo yêu cầu tương trợ theo Điều này có thể từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp sau:

a) pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu; hoặc

b) pháp luật của Bên yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của Bên yêu cầu.

3. Nếu người trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu tuyên bố rằng pháp luật của Bên yêu cầu có quy định về quyền hoặc nghĩa vụ phải từ chối cung cấp chứng cứ, thì Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu, nếu được yêu cầu, phải cung cấp một văn bản xác nhận cho Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu về quy định về quyền hoặc nghĩa vụ đó. Trong trường hợp không có căn cứ ngược lại, thì văn bản xác nhận đó sẽ là căn cứ đầy đủ về những vấn đề được nêu trong đó.

4. Theo Điều này, việc thu thập chứng cứ và lấy lời khai bao gồm cả việc thu thập, cung cấp tài liệu, hồ sơ hoặc đồ vật khác liên quan đến việc thu thập chứng cứ và lấy lời khai.

Điều 11. Chuyển giao tạm thời người đang bị giam giữ vì mục đích tương trợ

1. Người đang bị giam giữ tại Bên được yêu cầu có thể được chuyển giao tạm thời sang lãnh thổ của Bên yêu cầu nếu Bên yêu cầu đề nghị sự có mặt của người đó để cung cấp chứng cứ hoặc hỗ trợ điều tra.

2. Bên được yêu cầu chỉ chuyển giao người đang bị giam giữ cho Bên yêu cầu khi:

a) người đó đồng ý bằng văn bản;

b) các Bên thống nhất các điều kiện về việc giam giữ và an toàn cho người được chuyển giao và thời hạn trao trả người được chuyển giao.

3. Việc chuyển giao có thể bị từ chối:

a) nếu người đang bị giam giữ đó cần tham gia trong các thủ tục tố tụng hình sự đang được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu;

b) nếu việc chuyển giao có thể dẫn đến kéo dài thời gian bị giam giữ của người đó.

4. Vì mục đích của Điều này:

a) người được chuyển giao phải được giam giữ tại Bên mà người đó đã được chuyển giao đến trừ trường hợp Bên đã giam giữ người đó đề nghị trả tự do cho người đó. Người được chuyển giao theo quy định của Điều này phải được trao trả cho Bên được yêu cầu theo cách mà các Bên đã thỏa thuận hoặc tại thời điểm sớm hơn khi sự có mặt của người đó không còn cần thiết. Thời gian chuyển giao và giam giữ ở Bên yêu cầu của người được chuyển giao sẽ được khấu trừ vào thời gian bị giam giữ mà người đó phải chấp hành;

b) khi Bên được yêu cầu thông báo cho Bên yêu cầu là không cần giam giữ người được

chuyển giao nữa, thì người đó phải được trả tự do và được đối xử như đối với người được quy định tại Điều 12;

c) trong trường hợp người được chuyển giao bỏ trốn trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu có thể đề nghị tiến hành điều tra hình sự về sự việc này.

Điều 12. Sự có mặt của người làm chứng hoặc người giám định tại Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ

1. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ mời người làm chứng hoặc người giám định sang Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu. Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu về ý kiến của người làm chứng hoặc người giám định.

2. Giấy triệu tập phải thể hiện nội dung bảo đảm an toàn quy định tại Điều 13 và các điều kiện cần thiết khác như chỗ ở, đi lại và các chi phí hay tiền trợ cấp được thanh toán tại Bên yêu cầu. Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu về ý kiến trả lời của người làm chứng hoặc người giám định. Nếu người đó đồng ý thì áp dụng các thủ tục cần thiết để thực hiện yêu cầu.

3. Người làm chứng hoặc người giám định không đồng ý có mặt theo giấy triệu tập sẽ không chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào kể cả khi được nêu trong giấy triệu tập, trừ trường hợp sau đó người đó tự nguyện nhập cảnh vào lãnh thổ của Bên yêu cầu và được triệu tập lại theo đúng thủ tục tại Bên yêu cầu.

Điều 13. Bảo đảm an toàn

1. Người có mặt trên lãnh thổ Bên yêu cầu theo yêu cầu tương trợ tại Điều 11 và Điều 12 Hiệp định này sẽ:

a) không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị giam giữ hoặc bị hạn chế tự do cá nhân trên lãnh thổ của Bên yêu cầu về hành vi được cho là phạm tội của người đó được thực hiện trước khi rời khỏi Bên được yêu cầu.

b) không phải cung cấp chứng cứ hay hỗ trợ điều tra trong bất kỳ thủ tục tố tụng hình sự nào, không phải hỗ trợ bất kỳ việc điều tra hình sự nào ngoài phạm vi vấn đề hình sự đã nêu trong yêu cầu tương trợ, nếu người đó không đồng ý.

2. Khoản 1 Điều này không áp dụng nếu người đó đã được tự do rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu, nhưng đã không rời khỏi trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ khi được thông báo chính thức là sự có mặt của người đó là không còn cần thiết hoặc đã rời khỏi nhưng tự quay trở lại.

3. Người không đồng ý hỗ trợ điều tra hay cung cấp chứng cứ theo Điều 11 hoặc Điều 12 của Hiệp định này sẽ không phải chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào tại Bên yêu cầu hay Bên được yêu cầu.

4. Người đồng ý hỗ trợ điều tra hay cung cấp chứng cứ theo Điều 11 hoặc Điều 12 Hiệp định này sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về lời khai của họ, trừ việc họ khai báo gian dối.

Điều 14. Tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội

1. Bên được yêu cầu, theo yêu cầu, sẽ xác định xem có tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội có trong phạm vi lãnh thổ của mình hay không và thông báo cho Bên yêu cầu kết quả điều tra của mình. Đối với yêu cầu này, Bên yêu cầu phải thông báo cho Bên được

yêu cầu các căn cứ để tin rằng tài sản và công cụ, phương tiện đó có thể đang tồn tại trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu.

2. Trong trường hợp tìm thấy tài sản nghi là do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội, Bên được yêu cầu sẽ áp dụng các biện pháp mà pháp luật nước mình cho phép để ngăn chặn việc giao dịch, chuyển giao hay tẩu tán trước khi có quyết định cuối cùng về tài sản này được ban hành.

3. Theo đề nghị của Bên yêu cầu và trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu ưu tiên trả lại tài sản và công cụ, phương tiện phạm tội đó cho Bên yêu cầu, chủ yếu vì mục đích bồi thường cho người bị hại hay trả lại cho người sở hữu hợp pháp nhưng không được ảnh hưởng đến các quyền của bên thứ ba ngay tình.

4. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu, nếu được pháp luật nước mình cho phép, sẽ thực hiện quyết định có hiệu lực cuối cùng về tịch thu tài sản của cơ quan tư pháp của Bên yêu cầu.

5. Trừ trường hợp các Bên có quyết định khác, nếu cần thiết, Bên được yêu cầu có thể khấu trừ các chi phí hợp lý phát sinh trong các thủ tục dẫn đến việc trả lại hay xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định tại Điều này.

6. Theo thỏa thuận trong từng vụ việc cụ thể, các Bên cùng nhau thống nhất cách thức hoặc sắp xếp về việc xử lý cuối cùng đối với tài sản bị tịch thu hoặc phân chia giá trị tài sản nói trên sau khi được bán. Nếu giá trị tài sản là không đáng kể, Bên yêu cầu có thể để cho Bên được yêu cầu xử lý tài sản đó.

7. Vì mục đích của Hiệp định này, “Tài sản do phạm tội mà có” là bất kỳ tài sản có nguồn gốc hoặc có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc thực hiện hành vi phạm tội; và “Công cụ, phương tiện phạm tội” là những công cụ, phương tiện đã, đang hoặc sẽ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Điều 15. Chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Các Bên có thể chuyển giao cho nhau thông tin liên quan đến các tình tiết có thể cấu thành tội phạm thuộc quyền tài phán của Bên tiếp nhận để có thể tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự trên lãnh thổ của Bên tiếp nhận.

2. Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu về các biện pháp được áp dụng trên cơ sở thông tin đó.

Điều 16. Trao đổi thông tin tự nguyện

1. Trong phạm vi của pháp luật trong nước cho phép, cơ quan có thẩm quyền của các Bên, không cần phải có yêu cầu, có thể cung cấp hay trao đổi thông tin về tội phạm hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tiếp nhận tại thời điểm thông tin được cung cấp.

2. Theo quy định của pháp luật trong nước, cơ quan gửi thông tin có thể đưa ra các điều kiện về việc sử dụng thông tin của cơ quan tiếp nhận.

3. Nếu đồng ý tiếp nhận thông tin theo điều kiện, cơ quan tiếp nhận, sau khi đã được thông báo trước về tính chất của thông tin, phải tuân thủ các điều kiện đó.

4. Thông tin này được cung cấp phù hợp với quy định tại Điều 3 khoản 5.

Điều 17. Trao đổi thông tin về tiền án

1. Phù hợp với pháp luật của mỗi Bên, các Bên sẽ thông báo cho nhau thông tin về bản án

hình sự mà tòa án của Bên này đã tuyên đối với công dân của Bên kia.

2. Việc gửi thông tin được thực hiện mỗi năm một lần.

Điều 18. Bảo mật và giới hạn sử dụng

1. Bên được yêu cầu có thể đề nghị rằng thông tin hoặc chứng cứ do mình cung cấp hoặc nguồn của thông tin, chứng cứ đó phải được bảo mật hoặc chỉ được tiết lộ hay sử dụng theo các điều kiện cụ thể. Nếu có ý định áp dụng các điều kiện bảo mật, Bên được yêu cầu phải thông báo trước cho Bên yêu cầu. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận thì phải tuân thủ các điều kiện đó. Nếu không, Bên được yêu cầu có thể từ chối thực hiện tương tự.

2. Bên được yêu cầu phải thực hiện bảo mật yêu cầu tương tự và nội dung yêu cầu theo các điều kiện quy định tại pháp luật nước mình. Trường hợp yêu cầu không thể thực hiện nếu như không ảnh hưởng đến tính bí mật, Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu để quyết định nên thực hiện hay không thực hiện yêu cầu.

3. Không có sự đồng ý trước của Bên được yêu cầu, Bên yêu cầu không được sử dụng hay tiết lộ thông tin, chứng cứ được thu thập theo quy định của Hiệp định này vào mục đích khác ngoài mục đích nêu trong yêu cầu tương tự.

4. Tùy thuộc từng trường hợp cụ thể, Bên được yêu cầu có thể đề nghị Bên yêu cầu thông báo về việc sử dụng thông tin cung cấp.

5. Liên quan đến nội dung dữ liệu và rủi ro trong quá trình xử lý dữ liệu, Bên yêu cầu phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm sự an toàn của dữ liệu, đặc biệt là không để dữ liệu bị thay đổi, hư hại hay bị tiếp cận bởi bên thứ ba không có thẩm quyền.

Điều 19. Chứng nhận và chứng thực

1. Văn bản yêu cầu tương tự, các tài liệu kèm theo và tài liệu hoặc đồ vật là kết quả thực hiện một yêu cầu tương tự không đòi hỏi bất kỳ hình thức chứng nhận hay chứng thực nào trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trong trường hợp cụ thể, khi Bên được yêu cầu hoặc Bên yêu cầu đòi hỏi các tài liệu hoặc đồ vật phải được chứng thực, thì tài liệu hoặc đồ vật đó phải được chứng thực đầy đủ theo cách thức quy định tại khoản 3.

3. Tài liệu hoặc đồ vật được chứng thực theo Hiệp định này là tài liệu, đồ vật được ký và đóng dấu chính thức bởi một người của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật của Bên gửi.

Điều 20. Chi phí

Bên được yêu cầu phải chịu chi phí thực hiện yêu cầu tương tự, trừ các chi phí dưới đây do Bên yêu cầu chi trả:

a) chi phí liên quan đến chuyển giao tạm thời người đang bị giam giữ quy định tại Điều 11;

b) tiền trợ cấp được chi trả, kinh phí đi lại và các chi phí cơ bản được hoàn trả cho người làm chứng hoặc người giám định và các chi phí khác phát sinh từ công việc giám định trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu quy định tại Điều 12;

c) các chi phí bất thường phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương tự theo đề nghị của Bên được yêu cầu và thông báo cho Bên yêu cầu nhằm đặt ra các điều kiện để yêu cầu có thể tiếp tục được thực hiện.

Điều 21. Mối quan hệ với các thỏa thuận hay điều ước khác

Hiệp định này không ngăn cản việc thực hiện tương trợ với phạm vi rộng hơn đã hoặc sẽ được thỏa thuận giữa các Bên theo các thỏa thuận hay điều ước khác.

Điều 22. Tham vấn

Các Bên sẽ tham vấn lẫn nhau tại thời điểm thỏa thuận và thông qua kênh ngoại giao liên quan đến giải thích và thi hành Hiệp định này.

Điều 23. Giải quyết bất đồng

Bất kỳ bất đồng phát sinh từ việc giải thích hay thi hành Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng tham vấn trực tiếp giữa các Bên, bằng văn bản và thông qua kênh ngoại giao.

Điều 24. Hiệu lực và chấm dứt Hiệp định

1. Các Bên sẽ thông báo cho nhau về việc hoàn thành các thủ tục cần thiết để Hiệp định này có hiệu lực.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng thứ hai kể từ ngày nhận được thông báo sau cùng.

3. Hiệp định này được áp dụng đối với yêu cầu được lập sau khi Hiệp định có hiệu lực, kể cả yêu cầu liên quan đến hành vi xảy ra trước khi Hiệp định có hiệu lực.

4. Hiệp định này có thể được sửa đổi, bổ sung khi cả hai Bên đồng ý. Các nội dung sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trong trường hợp sửa đổi bổ sung Hiệp định này, các nội dung sửa đổi, bổ sung là một phần không thể tách rời của Hiệp định này.

5. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định này bằng việc thông báo cho Bên kia thông qua kênh ngoại giao. Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng thứ sáu kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo. Việc chấm dứt Hiệp định không ảnh hưởng đến các yêu cầu được đưa ra trước ngày chấm dứt Hiệp định.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người được ủy quyền đầy đủ đã ký Hiệp định này.

LÀM tại Hà Nội vào ngày 06 tháng 9 năm 2016 thành hai (02) bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Pháp có giá trị như nhau.